

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2017

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh T1”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Bích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạ

2. Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2017 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKTT: Phường Q, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh

Chỗ ở hiện nay: Phường H, thành phố L, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Lê Đức T1, sinh năm 1984.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, khu 2, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn- chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Đức T1 kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về sống chung với gia đình nhà chồng tại phường Q, thành phố P, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T1 không quan tâm đến vợ con, thường xuyên chơi

bời, rượu chè, cờ bạc. Ngoài ra, anh T1 còn nhiều lần đánh đập chị. Do mâu thuẫn vợ chồng nên năm 2014 chị phải đến ở nhờ nhà bác ruột của chị tại phường H, thành phố L. Vợ chồng chị ly thân nhau từ đó đến nay. Thấy rằng mâu thuẫn đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Đức T1.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Đức T2, sinh ngày 24/6/2008. Do chị chưa có công việc ổn định, thu nhập thấp nên chị có nguyện vọng để con chung cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn - anh Lê Đức T1 có quan điểm thừa nhận về hoàn cảnh kết hôn như chị H trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh không có việc làm và thu nhập ổn định, vợ mới sinh con nên khó khăn về kinh tế. Ngoài ra, chị H còn có mối quan hệ không lành mạnh bên ngoài dẫn đến thiếu quan tâm đến chồng con. Anh đã nhiều lần nói chuyện, khuyên nhủ mong chị H thay đổi, chăm lo cho cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Có lần do bức tức, nóng nảy anh đã đánh chị H dẫn đến chị H bỏ nhà đi sang thành phố L ở nhờ nhà bác ruột. Vợ chồng anh đã ly thân nhau được 3 năm. Nay chị H xin ly hôn nhưng anh không đồng ý vì thương con, anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H để cùng nhau nuôi dạy con khôn lớn.

Anh T1 thừa nhận vợ chồng anh có một con chung như chị H đã trình bày. Kể từ khi chị H bỏ nhà ra đi thì con chung vẫn ở với anh. Mặc dù mong muốn hàn gắn tình cảm nhưng nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Cháu Lê Đức T2 xác nhận việc đã lâu rồi mẹ cháu không ở cùng nhà với bố con cháu và ông bà. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu là được ở cùng bố.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị H tại địa phương. Kết quả xác minh cho thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H phát sinh từ nhiều năm nay, thực tế chị H đã bỏ nhà đi sang thành phố L ở, để con lại cho anh T1 nuôi từ 3 năm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Lê Đức T1 trong quá trình giải

quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Đức T1 có nơi cư trú tại phường Q, thành phố P, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T1 là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65 ngày 11/4/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh T1 sống chung với gia đình anh T1 và đã có thời gian sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ những bất đồng trong quan điểm sống hàng ngày và ngày càng trầm trọng. Chị H đã bỏ nhà chồng đến ở nhờ nhà bác ruột từ năm 2014, vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Về phía anh T1 mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có biện pháp gì tích cực để khắc phục mâu thuẫn. Đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T1.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đức T1 có 01 con chung là Lê Đức T2, sinh ngày 24/6/2008. Do điều kiện của chị H không đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung (công việc không ổn định, thu nhập thấp, nhà cửa không có phải đi ở nhờ nhà bác) nên chị mong muốn để con chung cho anh T1 nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu này của chị H phù hợp với nguyện vọng của cháu T2 và quan điểm của anh T1 nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Lê Đức T1.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Lê Đức T2, sinh ngày 24/6/2008 cho anh Lê Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Hai bên không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền trên chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009465 ngày 17/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, bị đơn anh Lê Đức T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường Quang Hanh, TP Cẩm Phả;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Bạch Bích